CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

# 10. HUYỆN YÊN THẾ

BẢNG 2 - BẢNG DỰ KIẾN GIÁ ĐẤT Ở TẠI THỊ TRẤN VÀ VEN TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG QUỐC LỘ, TỈNH LỘ, KHU CÔNG NGHIỆP, KHU DU LỊCH

*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

| TT | TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 |
|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Đường 292 (Đường 265 cũ)** | | | | |
| | **Phố Thống Nhất - TT Bố Hạ** | | | | |
| - | Đoạn từ ngã tư trung tâm đến Bưu điện thị trấn | 4,500 | 3,000 | 1,500 | 700 |
| - | Đoạn từ Bưu điện thị trấn đến hết Cửa hàng Dược | 3,500 | 2,500 | 1,200 | 700 |
| - | Đoạn từ Cửa hàng Dược đến đê Vòng Huyện | 3,000 | 1,500 | 1,000 | 500 |
| - | Đoạn đê Vòng Huyện đến giáp xã Bố Hạ | 2,000 | 1,200 | 1,000 | 300 |
| - | Đoạn từ ngã tư trung tâm đến chợ Chiều | 4,500 | 3,000 | 1,500 | 700 |
| - | Đoạn chợ Chiều đến giáp xã Bố Hạ | 3,000 | 1,500 | 1,000 | 400 |
| | **Đoạn qua phố Đề Nắm - TT Cầu Gồ** | | | | |
| - | Đoạn từ ngã tư trung tâm đến hết đất Công an huyện | 4,500 | 3,000 | 1,500 | 700 |
| - | Đoạn từ Công an huyện đến hết cổng Huyện đội | 4,000 | 2,500 | 1,000 | 700 |
| - | Đoạn từ cổng Huyện đội đến đường vào Đồng Nhân | 3,500 | 2,000 | 800 | 600 |
| - | Đoạn từ đường vào Đồng Nhân đến cổng Lâm trường | 3,000 | 1,500 | 800 | 400 |
| - | Đoạn từ cổng Lâm trường đến giáp xã Tam Hiệp | 2,500 | 1,000 | 600 | 400 |
| | **Đoạn qua phố Cả Trọng - TT Cầu Gồ** | | | | |
| - | Đoạn từ ngã tư trung tâm đến hết đất nhà ông Mạc | 4,500 | 3,000 | 1,500 | 500 |
| - | Đoạn từ nhà ông Mạc đến hết cổng chợ (nhà ông Nam) | 4,000 | 2,500 | 1,000 | 500 |
| - | Đoạn từ cổng chợ (nhà ông Nam) đến hết đất NH Chính sách | 3,500 | 2,000 | 1,000 | 400 |
| - | Đoạn từ Ngân hàng Chính sách đến giáp xã Phồn Xương | 3,000 | 2,000 | 700 | 400 |
| | **Đoạn qua các xã** | | | | |
| - | Đoạn trung tâm UBND xã Xuân Lương (đường kính 1.000m) | 1,500 | 800 | 500 | |
| - | Các đoạn trung tâm UBND các xã Tân Sỏi , Bố Hạ, Tam Hiệp (đường kính 1000m) | 2,500 | 1,500 | 700 | |
| - | Các đoạn qua trung tâm UBND các xã Đồng Lạc, (đường kính 500m) | 2,000 | 800 | 500 | |
| - | Đoạn qua xã Tam Hiệp từ Kiểm Lâm đến hồ Trại Cọ | 2,000 | 1,000 | 500 | |
| - | Khu vực ngã ba Mỏ Trạng xã Tam Tiến (đường kính 1.000m) | 2,500 | 1,000 | 600 | |
| - | Đoạn tiếp giáp Phố Cả Trọng (TT Cầu Gồ) đến hết nhà ông Đoàn (xã Phồn Xương) | 2,000 | 1,000 | 700 | |
| - | Đoạn từ nhà ông Đoàn xã Phồn Xương đến giáp xã Đồng Lạc | 1,000 | 800 | 600 | |
| - | Đoạn từ TT Bố Hạ đến cầu Bố Hạ | 1,500 | 800 | 600 | |
| - | Đoạn từ Cầu Sỏi đến tiếp giáp trung tâm xã Bố Hạ | 1,500 | 700 | 500 | |
| - | Các đoạn còn lại | 700 | 500 | 400 | |

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

| TT | TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 |
|---|---|---|---|---|---|
| **2** | **Đường 292B - Phố Thống Nhất (Đường 292 cũ)** | | | | |
| - | Đoạn từ ngã tư TT đến hết cổng Trường THCS TT Bố Hạ | 4,000 | 3,000 | 1,500 | 700 |
| - | Đoạn từ cổng Trường THCS TT Bố Hạ đến đường vào sân vận động | 3,500 | 2,500 | 1,000 | 700 |
| - | Đoạn từ đường vào sân vận động đến giáp xã Bố Hạ | 3,000 | 2,200 | 1,200 | 600 |
| | **Đường 292B (Đường đi Đông Sơn)** | | | | |
| - | Trung tâm các xã (đường kính 500m)+Ngã ba Phương Đông đến đường rẽ vào thôn Cầu Gụ xã Đông Sơn | 1,000 | 700 | 400 | |
| - | Các đoạn còn lại | 500 | 300 | 200 | |
| **3** | **Đường 268** | | | | |
| | **Đoạn qua TT Bố Hạ** | | | | |
| - | Đường goòng cũ đến hết cổng chợ Bố Hạ cũ | 2,500 | 1,500 | 700 | 400 |
| - | Đoạn từ hết cổng chợ Bố Hạ cũ đến giáp xã Bố Hạ | 2,000 | 1,000 | 500 | 300 |
| | **Đoạn qua các xã** | | | | |
| - | Đoạn từ ngã ba Mỏ Trạng đến chợ Mỏ Trạng | 3,000 | 2,000 | 1,000 | |
| - | Đoạn từ chợ Mỏ Trạng đến cầu Đồng Vương | 2,500 | 1,200 | 800 | |
| - | Đoạn từ cầu Đồng Vương đến ngã ba Đồng Tiến | 1,500 | 1,000 | 500 | |
| | Trung tâm xã Đồng Kỳ (đường kính 1000m) | 1,200 | 800 | 500 | |
| - | Trung tâm các xã (đường kính 1000m) | 1,000 | 600 | 300 | |
| - | Các đoạn còn lại | 500 | 400 | 200 | |
| **4** | **Đường 398** | | | | |
| - | Đoạn từ ngã tư trung tâm đến cổng sân vận động Cầu Gồ | 4,500 | 3,000 | 1,500 | 700 |
| - | Đoạn từ cổng sân vận động Cầu Gồ đến hết Ngân hàng NN & PTNT | 4,000 | 2,500 | 1,400 | 700 |
| - | Đoạn từ Ngân hàng NN & PTNT đến hết nhà ông Viên | 3,500 | 2,000 | 1,000 | 500 |
| - | Đoạn từ nhà ông Viên đến hết Bưu Điện Cầu Gồ | 3,000 | 2,000 | 1,000 | 500 |
| - | Đoạn từ Bưu Điện Cầu Gồ đến giáp xã Phồn Xương | 2,500 | 1,500 | 700 | 400 |
| | Đoạn từ TT Cầu Gồ đến hết trường THCS xã Phồn Xương | 2,000 | 1,500 | 700 | |
| | Các đoạn còn lại | 1,000 | 600 | 500 | |
| **5** | **Đường 242 (Đường 292 cũ)** | | | | |
| | Đoạn từ TT Bố Hạ đến giáp xã Hương Vỹ | 2,000 | 1,000 | 500 | |
| - | Trung tâm UBND các xã HV, ĐHưu (đường kính 1000m) | 2,000 | 1,000 | 500 | |
| - | Các đoạn còn lại | 1,000 | 500 | 300 | |
| **6** | **Đường 294 (Đường 287 cũ)** | | | | |
| - | Khu vực ngã ba Tân Sỏi đi Nhã Nam (khoảng cách 500m) | 2,000 | 1,000 | 700 | |
| - | Các đoạn còn lại | 1,000 | 700 | 300 | |

CỔNG THÔNG TIN VÀ GIAO DỊCH DiaOcOnline.vn
Tài liệu được lưu trữ tại server Cổng thông tin và giao dịch DiaOcOnline.vn

*Đơn vị tính: 1.000đ/m²*

| TT | TÊN ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG | Vị trí 1 | Vị trí 2 | Vị trí 3 | Vị trí 4 |
|---|---|---|---|---|---|
| **7** | **Đường Cầu Gồ (TL292) đến trung tâm xã Đồng Tâm** | | | | |
| - | Từ TL 292 đến cổng Trường PTCS Nông Trường | 1,500 | 1,000 | 500 | |
| - | Các đoạn còn lại | 800 | 300 | 200 | |
| **8** | **Các đoạn đường còn lại và khu vực dân cư TT Bố Hạ** | | | | |
| | **Đoạn từ ngã tư trung tâm đến bến Nhãn** | | | | |
| - | Đoạn từ ngã tư TT đến đường vào Trường Mầm non | 3,500 | 2,000 | 1,000 | 700 |
| - | Đoạn còn lại đến giáp xã Bố Hạ | 1,500 | 1,000 | 700 | 300 |
| | **Từ nhà VH phố Thống Nhất đi chợ chiều đến đường goòng cũ** | 2,000 | 1,500 | 700 | 300 |
| | **Đoạn nối TL 292 đến TL 242 (đi vòng qua chợ mới)** | 3,000 | 1,500 | 700 | 400 |
| | **Các đoạn đường còn lại TT Bố Hạ** | 1,000 | 700 | 400 | 200 |
| | **Khu vực dân cư thị trấn Bố Hạ** | 700 | 400 | 300 | |
| **9** | **Các đoạn đường còn lại và khu vực dân cư TT Cầu Gồ** | | | | |
| - | Đoạn từ ngã tư đến hết đất nhà ông Tuấn | 3,500 | 2,000 | 800 | 500 |
| - | Đoạn từ Đồng Nhân đi trại tù (Đồng Vương) | 1,500 | 700 | 500 | 300 |
| - | Đoạn Kiểm lâm tư TL 292 đi suối Đá (Tân Hiệp); | 1,200 | 700 | 500 | 300 |
| - | Đoạn Vườn Hồi từ TL 292 đến giáp xã Phồn Xương; | 1,500 | 700 | 500 | 300 |
| - | Đoạn Bà Ba đi Cả Dinh; | 1,200 | 700 | 500 | 300 |
| - | Đoạn Huyện đội đến Hồ xóm Chung; | 1,500 | 700 | 500 | 300 |
| - | Đoạn đường vòng tránh cổng Huyện đến giáp xã Tam Hiệp. | 1,500 | 700 | 500 | 300 |
| - | Các đoạn đường còn lại và khu vực dân cư TT Cầu Gồ | 800 | 500 | 300 | |
| **10** | **Đường huyện lộ thuộc trung tâm các xã (đường kính 1000m): Đồng Tiến, Canh Nậu, Tiến Thắng, An Thượng, Tân Hiệp và đường cầu Ông Bang** | 700 | 500 | 300 | |
| - | Ngã ba Tiến Thịnh bán kính 500m | 700 | 500 | 300 | |
| - | Ngã ba thôn Chùa Tam Hiệp bán kính 500m | 700 | 500 | 300 | |
| - | Ngã ba cầu Châu Phê An Thượng bán kính 500m | 700 | 500 | 300 | |
| - | Đoạn từ tiếp giáp đường 268 đi Đồng Tiến (khoảng cách 50m) | 1,000 | 700 | 500 | |
| - | Đoạn từ ngã ba Đông Sơn giáp TL 292 đi trường Lâm Sinh (khoảng cách 500m) | 1,000 | 700 | 500 | |
| - | Đoạn xóm chẽ từ đường TL 292 đến đường 398 | 1,200 | 700 | 500 | |